

Số: *75* /BC-UBND

Bến Cát, ngày 03 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO
**Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán
ngân sách Quý I năm 2019**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3486/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thị xã Bến Cát về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2019;

Ủy ban nhân dân thị xã báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý I năm 2019 như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 296 tỷ 784 triệu đồng (bằng 78% so với cùng kỳ, đạt 15% kế hoạch tỉnh và Nghị quyết HĐND thị xã giao); gồm các khoản thu sau:

- Thuế ngoài quốc doanh: 204 tỷ 748 triệu đồng, đạt 14% chỉ tiêu tỉnh và Nghị quyết HĐND thị xã giao, bằng 71% so cùng kỳ.

- Thu lệ phí trước bạ: 07 tỷ 794 triệu đồng, đạt 14% chỉ tiêu tỉnh và Nghị quyết HĐND thị xã giao, bằng 90% so với cùng kỳ.

- Thuế phi nông nghiệp: 591 triệu đồng, đạt 8% chỉ tiêu tỉnh và Nghị quyết HĐND thị xã giao, bằng 49% so với cùng kỳ.

- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: 01 tỷ 487 triệu đồng, đạt 1% chỉ tiêu tỉnh và Nghị quyết HĐND thị xã giao, bằng 90% so với cùng kỳ.

- Thu tiền sử dụng đất: 39 tỷ 887 triệu đồng, đạt 31% chỉ tiêu tỉnh và Nghị quyết HĐND thị xã giao, tăng 7% so với cùng kỳ.

- Thu phí và lệ phí: 09 tỷ 035 triệu đồng, đạt 50% chỉ tiêu tỉnh và Nghị quyết HĐND thị xã giao, tăng 21% so với cùng kỳ.

- Thuế thu nhập cá nhân: 25 tỷ 067 triệu đồng, đạt 17% chỉ tiêu tỉnh và Nghị quyết HĐND thị xã giao, bằng 85% so với cùng kỳ.

- Thu khác ngân sách: 08 tỷ 175 triệu đồng, đạt 27% chỉ tiêu tỉnh và Nghị quyết HĐND thị xã giao, tăng 79% so với cùng kỳ.



2. Tổng thu cân đối ngân sách địa phương: 148 tỷ 210 triệu đồng (đạt 87% so với cùng kỳ, đạt 14% kế hoạch tỉnh và Nghị quyết HĐND thị xã giao), gồm các khoản thu như sau:

- Các khoản thu địa phương hưởng 100%: 20 tỷ 544 triệu đồng, đạt 14% chỉ tiêu tỉnh và Nghị quyết HĐND thị xã giao, tăng 8% so với cùng kỳ.

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %: 82 tỷ 666 triệu đồng, đạt 14% chỉ tiêu tỉnh và Nghị quyết HĐND thị xã giao, bằng 72% so với cùng kỳ.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 45 tỷ đồng, đạt 17% chỉ tiêu tỉnh và Nghị quyết HĐND thị xã giao, trong đó:

+ Thu bổ sung cân đối ngân sách: 40 tỷ đồng.

+ Thu bổ sung có mục tiêu: 5 tỷ đồng

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH

Tổng chi ngân sách địa phương: 137 tỷ 019 triệu đồng, đạt 15% chỉ tiêu tỉnh và Nghị quyết HĐND thị xã giao, bằng 92% so với cùng kỳ, gồm các khoản chi như sau:

- Chi đầu tư phát triển: 17 tỷ 691 triệu đồng, đạt 16% chỉ tiêu tỉnh và đạt 14% so Nghị quyết HĐND thị xã giao, bằng 51% so với cùng kỳ.

- Chi thường xuyên: 101 tỷ 410 triệu đồng, đạt 13% chỉ tiêu tỉnh và đạt 20% Nghị quyết HĐND thị xã giao, tăng 1% so với cùng kỳ; bao gồm:

+ Chi sự nghiệp kinh tế: 03 tỷ 457 triệu đồng, đạt 4% chỉ tiêu tỉnh và Nghị quyết HĐND thị xã giao, tăng 152% so với cùng kỳ.

+ Chi sự nghiệp môi trường: 472 triệu đồng, đạt 1% chỉ tiêu tỉnh và Nghị quyết HĐND thị xã giao, bằng 43% so với cùng kỳ.

+ Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề: 46 tỷ 951 triệu đồng, đạt 17% chỉ tiêu tỉnh và đạt 18% Nghị quyết HĐND thị xã giao, bằng 100% so với cùng kỳ.

+ Chi sự nghiệp Y tế: 06 tỷ 779 triệu đồng, đạt 12% chỉ tiêu tỉnh và Nghị quyết HĐND thị xã giao, bằng 78% so với cùng kỳ.

+ Chi sự nghiệp Văn hóa - Thông tin - TDTT: 998 triệu đồng, đạt 8% chỉ tiêu tỉnh và đạt 7% so Nghị quyết HĐND thị xã giao, bằng 27% so với cùng kỳ.

+ Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình: 742 triệu đồng, đạt 20% chỉ tiêu tỉnh và đạt 22% so Nghị quyết HĐND thị xã, tăng 23% so với cùng kỳ.

+ Chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ: 146 triệu đồng, đạt 15% chỉ tiêu tỉnh và đạt 6% Nghị quyết HĐND thị xã giao, bằng 55% so với cùng kỳ.

+ Chi đảm bảo xã hội: 07 tỷ 772 triệu đồng, đạt 24% chỉ tiêu tỉnh và đạt 26% Nghị quyết HĐND thị xã giao, tăng 25% so với cùng kỳ.

+ Chi Quản lý hành chính: 10 tỷ 564 đồng, đạt 17% chỉ tiêu tỉnh và đạt 19% Nghị quyết HĐND thị xã giao, bằng 100% so với cùng kỳ.



+ Chi An ninh - quốc phòng: 03 tỷ 782 triệu đồng, đạt 19% chỉ tiêu tỉnh giao và đạt 21% Nghị quyết HĐND thị xã giao, tăng 21% so với cùng kỳ.

+ Chi khác ngân sách: 575 triệu đồng, đạt 6% chỉ tiêu tỉnh và đạt 9% Nghị quyết HĐND thị xã giao, tăng 115% so với cùng kỳ.

+ Chi ngân sách xã: 19 tỷ 172 triệu đồng, đạt 13% chỉ tiêu tỉnh và đạt 12% Nghị quyết HĐND thị xã giao, tăng 9% so với cùng kỳ.

- Chi tạm ứng: 17 tỷ 918 triệu đồng.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2019

- Về thu ngân sách trên địa bàn Quý I năm 2019 chỉ đạt 15% chỉ tiêu tỉnh giao và Nghị quyết HĐND thị xã giao. Nguồn thu chỉ đạt 15% là các khoản thu phát sinh theo tình hình thực tế; trong năm 2018, thị xã thu không đạt dự toán tỉnh giao, đến năm 2019 được UBND tỉnh giao dự toán cao hơn so với năm 2018, do đó ngành thuế phải phân đầu thu vào các quý sau.

- Về chi ngân sách: Tổng chi ngân sách địa phương Quý I năm 2019 đạt 15% so với chỉ tiêu tỉnh giao. Nhìn chung, trong 03 tháng đầu năm ưu tiên nguồn cho chi thường xuyên, các chế độ an sinh xã hội, đáp ứng đầy đủ các khoản chi thường xuyên đảm bảo cho hoạt động của địa phương như chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ; đảm bảo chi trợ cấp, chi quà Tết Nguyên đán cho các đối tượng chính sách xã hội; chi các chế độ an sinh xã hội và các khoản chi thiết yếu khác theo dự toán được giao. Do Quý I năm 2019 chỉ phát sinh các khoản chi thường xuyên: Lương và hoạt động, còn các nội dung chi mua sắm, sửa chữa, nội dung chi sự nghiệp đang trong giai đoạn lập hồ sơ nên tổng chi chỉ đạt 15% so với dự toán giao.

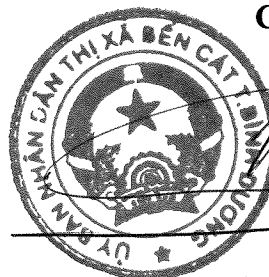
(Đính kèm theo biểu số 93, 94, 95/CK-NSNN).

Trên đây là nội dung báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý I năm 2019 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TT.Thị ủy;
- TT.HĐND thị xã;
- CT, các PCT thị xã;
- Phòng TC-KH;
- Phòng VH&TT (Đăng tải trên Trang thông tin điện tử thị xã);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Duy Hiền



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ I NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 75 /BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2019
của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2019	Thực hiện quý I năm 2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>	<i>4</i>
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.007.174	296.784	15	78
I	Thu cân đối NSNN	2.007.174	296.784	15	78
1	Thu nội địa	2.007.174	296.784	15	78
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	917.387	137.019	15	92
I	Tổng chi cân đối ngân sách thị xã	917.387	137.019	15	92
1	Chi đầu tư phát triển	108.606	17.691	16	51
2	Chi thường xuyên	792.781	101.410	13	101
3	Dự phòng ngân sách	16.000	0	0	
4	Chi tạm ứng		17.918		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				




THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 75 /BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2019
của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện quý I năm 2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN				
I	Thu nội địa	2.007.174	296.784	15	78
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.503.174	204.748	14	71
-	Thuế giá trị gia tăng	884.610	120.785	14	76
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	615.836	83.322	14	63
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.800	455	25	111
-	Thuế tài nguyên	928	186	20	160
-	Thu khác				
4	Thuế thu nhập cá nhân	146.000	25.067	17	85
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	56.000	7.794	14	90
7	Thu phí, lệ phí	18.000	9.035	50	121
8	Các khoản thu về nhà, đất	254.000	41.965	17	105
-	Thuế sử dụng đất nước nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7.000	591	8	49
-	Thu tiền sử dụng đất	130.000	39.887	31	107
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	117.000	1.487	1	90
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				

STT	 Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện quý I năm 2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3=2/1$	<i>4</i>
10	Thu khác ngân sách	30.000	8.175	27	179
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	737.004	103.210	14	77
1	Từ các khoản thu phân chia	593.368	82.666	14	72
2	Các khoản thu ngân sách thị xã được hưởng 100%	143.636	20.544	14	108




THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ QUÝ I NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 75 /BC-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2019
của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện quý I năm 2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	917.387	137.019	15	92
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	917.387	137.019	15	92
I	Chi đầu tư phát triển	108.606	17.691	16	51
1	Chi đầu tư cho các dự án	108.606	17.691	16	51
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	792.781	101.410	13	101
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	279.494	46.951	17	100
2	Chi khoa học và công nghệ	1.000	146	15	55
3	Chi y tế, dân số và gia đình	55.147	6.779	12	78
4	Chi văn hóa thông tin	10.798	684	6	24
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	3.638	742	20	123
6	Chi thể dục thể thao	2.310	314	14	34
7	Chi bảo vệ môi trường	88.915	472	1	43
8	Chi các hoạt động kinh tế	82.719	3.457	4	252
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	62.307	10.564	17	100
10	Chi bảo đảm xã hội	32.395	7.772	24	125

STT	 Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện quý I năm 2019	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
11	Chi thường xuyên khác	9.120	575	6	215
12	Chi quốc phòng	9.510	2.406	25	147
13	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	10.200	1.376	13	92
14	Chi NS xã	145.228	19.172	13	109
III	Dự phòng ngân sách	16.000		0	
IV	Chi tạm ứng		17.918		
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				